

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TLA**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 93/2023/DS-PT

Ngày: 15-3-2023

V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TLA

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà NTMH

Các Thẩm phán: Ông TVQ

Bà HTHV

- Thư ký phiên tòa: Bà NTMP - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Long An.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân TLA tham gia phiên tòa: Ông LNH - Kiểm sát viên.

Vào ngày 15 tháng 3 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Long An xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 564/2022/TLPT-DS ngày 07 tháng 12 năm 2022 về tranh chấp hợp đồng vay tài sản.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 50/2022/DS-ST ngày 12 tháng 10 năm 2022 của Tòa án nhân dân CDLA bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 09/2023/QĐ-PT ngày 02 tháng 02 năm 2023, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà NTKT, sinh năm 1970.

Địa chỉ: Số 509, ấp 5, xã Long Hòa, CDLA.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Ông Trần Hữu Thọ, sinh năm 1971. Địa chỉ liên hệ: Số 63D quốc lộ 50, khu 1B thị trấn Cần Đức, huyện Cần Đức, tỉnh Long An (văn bản ủy quyền ngày 23/5/2022).

2. *Bị đơn:* Bà LTT, sinh năm 1959.

Địa chỉ: Ấp Rạch Đào, xã Mỹ Lệ, CDLA

Người đại diện theo ủy quyền của bị đơn: Ông NVS sinh năm: 1966. Địa chỉ: Ấp Lãng, xã Tân Chánh, CDLA (văn bản ủy quyền ngày 21/5/2022).

3. *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

3.1. Ông Nguyễn Văn Hoai, sinh năm 1959.

Địa chỉ: Ấp Rạch Đào, xã Mỹ Lệ, CDLA

3.2. Ông NTS, sinh năm 1968.

Địa chỉ: Số 509, ấp 5, xã Long Hòa, CDLA

3.3. Bà LTC, sinh năm 1979.

Địa chỉ: Ấp 6, xã Tân Trach, CDLA

- Người kháng cáo: Bà Lê Thị Thanh

(Các đương sự có mặt; Ông Sương, bà Chính vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện đề ngày 20/4/2022, cùng các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, nguyên đơn bà Nguyễn Thị Kim Tư ủy quyền cho ông Trần Hữu Thọ trình bày:

Do mối quan hệ quen biết nên ngày 03/7/2020 bà Tư có cho bà Lê Thị Thanh vay số tiền 500.000.000 đồng để sử dụng vào việc gia đình của bà Thanh, hai bên có lập giấy nợ, bà Thanh có ký tên mượn tiền và bà Thanh có tự nguyện giao cho bà Tư giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (viết tắt Giấy CNQSDĐ) số Y 584859 do Ủy ban nhân dân huyện Cần Đước (viết tắt UBND huyện Cần Đước) cấp cho ông Nguyễn Văn Hoai đứng tên ngày 15/10/1996 (ông Nguyễn Văn Hoai là chồng của bà Thanh) để thế chấp làm tin đảm bảo cho việc trả nợ vay. Mặc dù trong giấy nợ không ghi lãi suất và thời gian trả nợ vay nhưng bà Thanh có tự nguyện trả lãi cho bà Tư và thỏa thuận khi nào bà Tư cần lấy lại vốn vay sẽ báo trước 01 tháng. Sau khi vay, bà Thanh có trả số tiền lãi cho bà Tư tổng cộng số tiền là 225.000.000 đồng, còn việc ông Sương đại diện cho bà Thanh cho rằng bà Thanh vay tiền của bà Tư mục đích là vay dùm cho bà Lê Thị Chính là em ruột của bà Thanh nên bà Chính có trả cho bà Tư số tiền lãi là 34.000.000 đồng bà Tư không đồng ý vì bà Tư không có nhận tiền lãi từ bà Chính cũng như không biết mối quan hệ vay mượn giữa bà Chính với bà Thanh. Đến ngày 20/3/2022 bà Tư cần thu hồi nợ nên có báo cho bà Thanh trả nợ vay vào ngày 20/4/2022 nhưng bà Thanh không thực hiện. Đối với bản chính hợp đồng cầm đồ số 40 ngày 03/7/2020 bà Tư đã làm thất lạc nên không còn bản chính để đối chiếu với bản phô tô do phía bị đơn cung cấp nhưng bà Tư cũng thừa nhận là bà Tư có lấy tạm mẫu cầm đồ có sẵn của tiệm vàng Kim Hoàng để ghi tạm nội dung “ông Nguyễn Văn Hoai có thế chấp Giấy CNQSDĐ và vay số tiền 500.000.000 đồng, có ghi thời gian bà Thanh trả lãi và số tiền lãi đã trả và tự ký tên mà không có chữ ký tên của người vay tiền” nên bà Tư khẳng định hợp đồng này với giấy vay tiền ngày 03/7/2020 có chữ ký tên mượn tiền của bà Lê Thị Thanh cùng là một nội dung, việc ông Hoai yêu cầu vô hiệu hợp đồng cầm đồ số 40 ngày 03/7/2020, các bên sẽ hoàn trả cho nhau những gì đã nhận, do cả hai cùng có lỗi nên không phải bồi thường cho nhau, bà Thanh có trách nhiệm trả lại cho bà Tư số tiền vay 500.000.000 đồng, bà Tư có trách nhiệm trả lại cho bà Thanh số tiền lãi đã nhận là 225.000.000 đồng và trả ông Hoai Giấy CNQSDĐ bà Tư không đồng ý vì yêu cầu độc lập của ông Hoai là vi phạm nghiêm trọng tổ tụng dân sự và không cần thiết do ông Hoai không phải là người

trực tiếp giao dịch nên không có quyền yêu cầu vô hiệu hợp đồng. Mặc dù bà Tư sử dụng mẫu hóa đơn hợp đồng cầm đồ khi giao dịch với bà Thanh nhưng nội dung giao dịch vẫn ghi rõ là thế chấp quyền sử dụng đất 1585m² (thổ 585m², lúa 1000m²), vay số tiền 500.000.000 đồng nên việc thế chấp Giấy CNQSDĐ chỉ để làm tin. Do đó, không cần thiết phải vô hiệu hợp đồng cầm đồ trái quy định của pháp luật. Đối với Giấy CNQSDĐ do ông Hoai đứng tên không xác định là tài sản thừa kế, được tặng cho nên bà Thanh và ông Hoai phải có nghĩa vụ chung về quan hệ vợ chồng theo Điều 37 của Luật Hôn nhân và Gia đình. Đồng thời yêu cầu đình chỉ yêu cầu độc lập của ông Hoai theo Điều 192 Bộ luật tố tụng Dân sự vì ông Hoai không có quyền yêu cầu độc lập và thuộc trường hợp không cần thiết trái pháp luật. Đối với bản chính giấy mượn tiền ngày 03/7/2020 Tòa án đã cho đối chiếu với bản chính ngày 30/8/2022 nên việc đại diện bị đơn yêu cầu được xem bản chính tại phiên tòa là không cần thiết. Do bà Thanh đã trả cho bà Tư số tiền lãi là 225.000.000 đồng nên ông Thọ yêu cầu điều chỉnh lãi nợ vay 500.000.000 đồng theo quy định của pháp luật là 1,66%/tháng kể từ ngày vay 03/7/2020 đến ngày 30/9/2022 là 26 tháng 27 ngày, số tiền lãi là 223.270.000 đồng, khấu trừ lãi đã trả 225.000.000 đồng = 1.730.000 đồng khấu trừ vào vốn vay cho bà Thanh. Nay ông Thọ yêu cầu bà Thanh và ông Hoai liên đới trả cho bà Tư số tiền vay vốn còn nợ là 498.270.000 đồng. Bà Tư đồng ý trả lại Giấy CNQSDĐ cho bà Thanh và ông Hoai khi bà Thanh và ông Hoai hoàn tất nghĩa vụ trả nợ.

Bị đơn bà Lê Thị Thanh ủy quyền cho ông Nguyễn Văn Sương trình bày tại các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa:

Vào ngày 03/7/2020 bà Thanh có đi cùng bà Lê Thị Chính (bà Chính là em ruột của bà Thanh) đến tiệm vàng Kim Hoàng của bà Tư để cầm quyền sử dụng đất. Theo đó, bà Thanh có cầm Giấy CNQSDĐ số Y 584859 do UBND huyện Cần Đước cấp cho ông Nguyễn Văn Hoai đứng tên ngày 15/10/1996 gồm 02 thửa đất; thửa đất 3922, diện tích 1000m², loại đất HNK; Thửa đất 2184, diện tích 585m², loại đất thổ, cùng tờ bản đồ số 3, tọa lạc ấp Rạch Đào, xã Mỹ Lệ, huyện Cần Đước, tỉnh Long An để vay số tiền là 500.000.000 đồng. Sau khi bà Thanh nhận số tiền vay 500.000.000 đồng của bà Tư thì bà Thanh đưa hết cho bà Chính mượn. Việc cầm Giấy CNQSDĐ có hợp đồng cầm đồ số 40, với lãi suất cầm đồ là 5%/tháng, mặc dù trong hợp đồng không có ghi lãi suất 5%/tháng nhưng ở mục ghi ngày 03/7/2020 - 03/8/2020 đóng 25.000.000 đồng nên tính ra là 5%/tháng. Ngoài ra, mặt giấy phía sau của hợp đồng cầm đồ có ghi nhận số tiền lãi bà Thanh đã trả cho bà Tư trong nhiều đợt, tất cả những lần trả lãi bà Tư đều có ký tên nhận tiền lãi, tổng số tiền lãi bà Thanh đã trả cho bà Tư là 225.000.000 đồng. Sau đó, bà Thanh bị bệnh đột quỵ nên bà Chính có trả lãi trực tiếp cho bà Tư được 02 tháng lãi số tiền 34.000.000 đồng và việc này là bà Thanh chỉ nghe bà Chính nói chứ không có giấy tờ chứng minh và bà Tư cũng không đồng ý có nhận khoản tiền này nên không yêu cầu tính vào lãi đã trả. Việc bà Thanh đem Giấy CNQSDĐ do ông Hoai đứng tên cầm cho bà Tư ông Hoai hoàn toàn không biết đến khi bà Tư đến nhà đòi tiền thì ông Hoai mới biết và ông Hoai không có sử dụng số tiền này, bà Thanh cũng không sử dụng số tiền

này cho gia đình và chứng cứ chứng minh là bà Chính đã nhận số tiền vay 500.000.000 đồng từ bà Thanh nên bà Tư yêu cầu ông Hoai liên đới cùng bà Thanh trả nợ cho bà Tư thì bà Thanh không đồng ý mà bà Thanh tự chịu trách nhiệm trả nợ cho bà Tư, còn bà Chính nợ tiền của bà Thanh thì bà Thanh đã khởi kiện bằng một vụ án khác. Đồng thời, bà Thanh yêu cầu điều chỉnh lãi suất theo quy định của pháp luật từ ngày 03/7/2020 đến nay và thống nhất với yêu cầu của ông Hoai yêu cầu bà Tư trả lại cho ông Hoai Giấy CNQSDĐ vì đây là tài sản riêng của ông Hoai. Nay ông Sương chỉ đồng ý bà Thanh trả nợ vay cho bà Tư khi bà Tư khởi kiện tranh chấp hợp đồng cầm đồ và yêu cầu đại diện nguyên đơn cung cấp bản chính giấy mượn tiền ngày 03/7/2020 cũng như hợp đồng cầm đồ số 40 tại phiên tòa, nếu không cung cấp thì yêu cầu hoãn phiên tòa, nếu Hội đồng xét xử vẫn tiếp tục phiên tòa thì đề nghị bác yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Văn Hoai trình bày tại đơn yêu cầu độc lập ngày 06/7/2022, ngày 25/7/2022 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa:

Ông hoàn toàn không biết việc bà Thanh lấy Giấy CNQSDĐ số Y 584859 do UBND huyện Cần Đức cấp cho ông đứng tên ngày 15/10/1996 đem cầm cố để vay tiền của bà Tư số tiền 500.000.000 đồng vào ngày 03/7/2020. Đến khoảng tháng 3/2022 bà Tư đến nhà đòi tiền ông mới biết, Khi gặp bà Tư ông có hỏi vì sao Giấy CNQSDĐ do ông đứng tên mà bà Tư không hỏi ý kiến của ông thì bà Tư nói sợ ông không tin tưởng vợ ông. Giấy CNQSDĐ nêu trên là tài sản riêng của ông được mẹ ông là bà Lâm Thị Nho sinh năm 1936 (đã chết) tặng cho miệng và ông kê khai đăng ký cấp giấy lần đầu. Ông và bà Thanh có đăng ký kết hôn năm 1982 nhưng vợ chồng ông có thỏa thuận miệng với nhau tài sản bên nào cho thì bên đó hưởng chứ không có nhập vào tài sản chung của vợ chồng. Đối với số tiền 500.000.000 đồng bà Thanh không đem về nhà sử dụng cho gia đình và ông cũng không sử dụng bất cứ một khoản tiền nào trong số tiền này mà bà Thanh đã cho em ruột của bà Thanh là bà Lê Thị Chính mượn lại cũng với mức lãi suất bà Tư cho bà Thanh vay. Do đó, ông yêu cầu vô hiệu hợp đồng cầm đồ số 40 ngày 03/7/2020, các bên sẽ hoàn trả cho nhau những gì đã nhận, bà Tư là người có lỗi nhiều hơn bà Thanh vì bà Tư là chủ tiệm vàng nên bà Tư phải biết việc cầm đồ Giấy CNQSDĐ là vi phạm pháp luật nhưng vẫn ký nhận cầm đồ. Do cả hai cùng có lỗi nên không phải bồi thường cho nhau, bà Thanh có trách nhiệm trả lại cho bà Tư số tiền vay 500.000.000 đồng, bà Tư có trách nhiệm trả lại cho bà Thanh số tiền lãi đã trả là 225.000.000 đồng và trả ông Giấy CNQSDĐ số Y 584859 do UBND huyện Cần Đức cấp ngày 15/10/1996 cho ông đứng tên và ông không đồng ý liên đới cùng bà Thanh trả số nợ vay cho bà Tư như người đại diện của bà Tư yêu cầu.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Thành Sương trình bày tại đơn trình bày ngày 23/9/2022 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án:

Hiện nay ông đứng tên trên giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh hộ kinh doanh số 50M8.005155 ngày 20/4/2016 hộ kinh doanh dịch vụ cầm đồ Kim Hoàng Rạch Kiến, ông với bà Nguyễn Thị Kim Tư là vợ chồng với nhau. Ngày 03/7/2020 bà Tư có cho bà Lê Thị Thanh vay số tiền 500.000.000đồng và bà Thanh có thể chấp Giấy CNQSDĐ do ông Nguyễn Văn Hoai là chồng của bà Thanh đứng tên và bà Tư có sử dụng tạm mẫu hợp đồng cầm đồ in sẵn của DNTN-tiệm vàng-cầm đồ Kim Hoàng Rạch Kiến để ghi tạm và có ghi thời gian trả lãi và số tiền lãi của bà Thanh đã trả và bà Tư tự ký tên trong hợp đồng, việc này lúc đầu ông không biết đến khi bà Thanh không trả thì bà Tư mới nói cho ông biết và số tiền cho vay là tài sản riêng của bà Tư. Hợp đồng cầm đồ số 40 thực chất không liên quan đến ông vì quyền sử dụng đất không phải là đối tượng cầm đồ. Do hợp đồng cầm đồ số 40 và giấy mượn tiền cùng ngày 03/7/2020 có cùng nội dung về số tiền vay cũng như thể chấp Giấy CNQSDĐ nên theo ông hợp đồng cầm đồ số 40 không có giá trị về mặt pháp lý nên việc ông Hoai yêu cầu vô hiệu hợp đồng cầm đồ số 40 và hoàn trả cho nhau những gì đã nhận ông thấy ông không liên quan nên ông không ý kiến gì mà việc bà Tư cho bà Thanh vay tiền và bà Thanh có thể chấp Giấy CNQSDĐ do ông Nguyễn Văn Hoai là chồng của bà Thanh đứng tên như nêu trên thì bà Tư với bà Thanh tự giải quyết với nhau ông không có liên quan.

Ông Nguyễn Thành Sương có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Lê Thị Chính trình bày tại các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án:

Bà Chính là em ruột của bà Lê Thị Thanh, do cần tiền để có vốn làm ăn (mua bán đất) nên lúc đầu bà có hỏi vay tiền chỗ bà Thanh số tiền 500.000.000 đồng nhưng bà Thanh không có nên bà có nhờ bà Thanh đi vay dùm. Do đó, ngày 03/7/2020 bà Thanh đến tiệm vàng Kim Hoàng của bà Nguyễn Thị Kim Tư để vay tiền có bà Chính đi cùng. Theo đó bà Thanh có vay của bà Tư số tiền 500.000.000 đồng và có thể chấp quyền sử dụng đất là Giấy CNQSDĐ số 584859 gồm 02 thửa đất; thửa đất 3922, diện tích 1000m², loại đất HNK; Thửa đất 2184, diện tích 585m², loại đất thổ, cùng tờ bản đồ số 3, tọa lạc ấp Rạch Đào, xã Mỹ Lệ, huyện Cần Đước, tỉnh Long An do chồng bà Thanh là ông Nguyễn Văn Hoai đứng tên nhưng việc bà Thanh đem thế chấp để vay tiền theo bà thì ông Hoai hoàn toàn không biết vì việc này chỉ có bà với bà Thanh bàn với nhau và đi với nhau đến chỗ bà Tư. Khi vay được tiền của bà Tư thì bà Thanh giao qua cho bà mượn luôn, bà được biết bà Tư cho vay lãi suất 5%/tháng nên hàng tháng bà Chính là người đưa tiền lãi cho bà Thanh cũng với lãi suất 5%/tháng để bà Thanh trả lãi cho bà Tư, có lần bà có trả lãi trực tiếp cho bà Tư 02 tháng tiền lãi là 34.000.000 đồng nhưng không nhớ thời gian trả lãi chỉ nhớ khi đó bà Thanh đã bị bệnh đột quỵ và việc bà trả lãi cho bà Tư cũng không có chứng cứ gì vì bà Tư không có ký nhận. Do bà Thanh vay tiền 500.000.000 đồng của bà Tư nên bà Thanh có trách nhiệm trả nợ vay và nợ lãi cho bà Tư bà không có liên quan, còn việc bà vay số tiền 500.000.000 đồng từ bà Thanh thì bà sẽ trả lại cho bà Thanh khi bà Thanh có yêu cầu bà trả nợ.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 50/2022/DS-ST ngày 12 tháng 10 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện Cần Đức, tỉnh Long An đã căn cứ các Điều 26, 35, 39, 147, 271, 272 và 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Áp dụng điểm c khoản 1 Điều 117, Điều 122, Điều 463, Điều 466 và Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Kim Tư về việc “tranh chấp hợp đồng vay tài sản” với bà Lê Thị Thanh.

Buộc bà Lê Thị Thanh có nghĩa vụ phải trả cho bà Nguyễn Thị Kim Tư số tiền vay còn nợ vốn vay là 498.270.000 đồng.

2. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện độc lập của ông Nguyễn Văn Hoai với bà Nguyễn Thị Kim Tư.

Vô hiệu hợp đồng cầm đồ số 40 ngày 03/7/2020 giữa bà Nguyễn Thị Kim Tư với bà Lê Thị Thanh.

Buộc bà Nguyễn Thị Kim Tư có nghĩa vụ trả cho ông Nguyễn Văn Hoai Giấy CNQSDĐ số Y 584859 do UBND huyện Cần Đức cấp cho ông Nguyễn Văn Hoai đứng tên ngày 15/10/1996.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án phải chịu thêm khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành theo quy định tại khoản 2 Điều 357 Bộ luật dân sự.

3. Về án phí: Bà Nguyễn Thị Kim Tư phải nộp 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm. Khấu trừ số tiền 15.320.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp tại biên lai số 0006318 ngày 14/6/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cần Đức, bà Tư được hoàn lại 15.020.000 đồng. Bà Lê Thị Thanh được miễn toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về quyền kháng cáo và hướng dẫn về quyền và nghĩa vụ thi hành án của đương sự.

Ngày 26/10/2022 bà Lê Thị Thanh kháng cáo bản án sơ thẩm yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn đối với hợp đồng vay tài sản, đối với hợp đồng cầm cố vô hiệu, đề nghị Tòa án giải quyết hậu quả của hợp đồng vô hiệu, hai bên hoàn trả cho nhau những gì đã nhận, bà Thanh trả cho bà Tư số tiền 500.000.000 đồng, bà Tư trả cho bà Thanh số tiền 225.000.000 đồng.

Tại phiên tòa phúc thẩm;

Nguyên đơn không rút đơn khởi kiện, bà Thanh không rút đơn kháng cáo, các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án, không cung cấp, nộp thêm tài liệu, chứng cứ mới và vẫn giữ nguyên ý kiến như đã trình bày ở cấp sơ thẩm.

- Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn ông Trần Hữu Thọ trình bày: Ông không đồng ý kháng cáo của bị đơn vì trong quá trình giải quyết vụ án phía bị đơn thừa nhận có vay của nguyên đơn số tiền 500.000.000 đồng, nguyên đơn thừa nhận đã nhận tiền lãi của bà Thanh số tiền 225.000.000 đồng, hai bên có ký giấy nợ và hợp đồng cầm cố giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đứng tên ông Nguyễn Văn Hoai, đối với bản chính giấy vay tiền ngày 03/7/2020 đã được Tòa án nhân dân huyện Cần Đức, tỉnh Long An đối chiếu nên đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm.

- Người đại diện theo ủy quyền của bị đơn ông Nguyễn Văn Sương trình bày: Do nguyên đơn không cung cấp bản chính giấy vay tiền ngày 03/7/2020 nên bị đơn không đồng ý trả số tiền vay 500.000.000 đồng theo giấy nợ. Tòa án tuyên bố hợp đồng cầm cố vô hiệu nên đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm giải quyết hậu quả của hợp đồng vô hiệu, bà Thanh trả cho bà Tư số tiền 500.000.000 đồng, bà Tư phải trả cho bà Thanh số tiền 225.000.000 đồng.

- Ông Nguyễn Văn Hoai trình bày: Ông thống nhất theo lời trình bày của bị đơn. Việc bà Thanh lấy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của ông đi vay tiền của bà Tư ông không đồng ý, Tòa án cấp sơ thẩm đã giải quyết buộc bà Tư phải trả lại cho ông nên ông không có ý kiến gì, đề nghị cấp phúc thẩm chấp nhận kháng cáo của bị đơn.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân TLA phát biểu quan điểm giải quyết vụ án:

Về thủ tục tố tụng: Kháng cáo của bà Lê Thị Thanh đúng quy định của pháp luật nên được xem xét theo trình tự phúc thẩm. Từ khi thụ lý cho đến khi đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự, những người tham gia tố tụng đã chấp hành đúng pháp luật.

Về yêu cầu kháng cáo của bà Lê Thị Thanh: Xét thấy giữa nguyên đơn và bị đơn đều thống nhất số tiền vay, thời gian vay và có thể chấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cũng như số tiền lãi bị đơn đã trả cho nguyên đơn. Đối với giấy mượn tiền Tòa án đã cho đối chiếu với bản chính ngày 30/8/2022. Bị đơn có trả lãi cho nguyên đơn tổng cộng số tiền là 225.000.000 đồng. Việc đại diện nguyên đơn yêu cầu tính lãi suất tiền vay theo quy định của pháp luật là 1,66%/tháng đối với số tiền vay là 500.000.000 đồng từ ngày vay 03/7/2020 đến ngày 30/9/2022 là 26 tháng 27 ngày là 223.270.000 đồng. Bà Thanh đã trả tiền lãi cho bà Tư là 225.000.000 đồng - 223.270.000 đồng = 1.730.000 đồng. Như vậy, 500.000.000 đồng - 1.730.000 đồng = 498.270.000 đồng. Do đó, nguyên đơn yêu cầu bị đơn phải trả cho nguyên đơn số tiền vay vốn còn nợ là 498.270.000 đồng là có căn cứ chấp nhận.

Bà Thanh chỉ đồng ý trả nợ vay cho bà Tư khi bà Tư khởi kiện tranh chấp hợp đồng cầm cố và yêu cầu nguyên đơn cung cấp bản chính giấy mượn tiền ngày 03/7/2020 cũng như hợp đồng cầm cố số 40. Xét thấy, tại phiên tòa sơ thẩm đại diện nguyên đơn và đại diện bị đơn đều thống nhất số tiền vay, thời gian vay và thể chấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cũng như số tiền lãi bị đơn

đã trả. Đối với giấy mượn tiền và thế chấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ngày 03/7/2020 Tòa án đã đối chiếu bản chính ngày 30/8/2022, đối với hợp đồng cầm cố số 40 nguyên đơn cho rằng ghi tạm và bản chính đã thất lạc không còn nên không có căn cứ chấp nhận yêu cầu của bị đơn.

Đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm không chấp nhận kháng cáo của bị đơn bà Lê Thị Thanh. Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng: Đơn kháng cáo của bà Lê Thị Thanh thực hiện đúng về hình thức, nội dung và thời hạn theo quy định tại các Điều 272, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 nên vụ án được xem xét giải quyết theo thủ tục phúc thẩm.

[2] Về thủ tục xét xử vắng mặt người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Ông Nguyễn Thành Sương, bà Lê Thị Chính đã được Tòa án triệu tập họp nhưng có đơn xin xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử phúc thẩm căn cứ Điều 296 Bộ luật tố tụng dân sự Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt những người này.

[3] Xét kháng cáo của bà Lê Thị Thanh, thấy rằng:

[3.1] Tại phiên tòa giữa ông Trần Hữu Thọ là người đại diện của nguyên đơn và ông Nguyễn Văn Sương là người đại diện cho bị đơn trình bày thống nhất với nhau: Vào ngày 03/7/2020 bà Thanh có vay của bà Tư số tiền vay là 500.000.000 đồng và thế chấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đứng tên ông Nguyễn Văn Hoai, bị đơn đã trả cho nguyên đơn tiền lãi tổng cộng số tiền là 225.000.000 đồng.

Bị đơn kháng cáo không đồng ý trả cho nguyên đơn số tiền vay 500.000.000 đồng theo giấy vay tiền ngày 03/7/2020, bị đơn chỉ đồng ý trả tiền nợ vay cho bà Tư khi bà Tư cung cấp bản chính giấy vay tiền và khởi kiện tranh chấp hợp đồng cầm đồ. Tòa án cấp sơ thẩm tuyên bố hợp đồng cầm cố vô hiệu nên đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm giải quyết hậu quả của hợp đồng vô hiệu, bà Thanh trả cho bà Tư số tiền 500.000.000 đồng, bà Tư phải trả cho bà Thanh số tiền 225.000.000 đồng.

[3.2] Xét thấy, trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn thừa nhận vào ngày 03/7/2020 có vay của nguyên đơn số tiền 500.000.000 đồng và thế chấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cũng như số tiền lãi bị đơn đã trả cho nguyên đơn nên quan hệ tranh chấp giữa bà Tư và bà Thanh là tranh chấp hợp đồng vay tài sản.

Bà Thanh cho rằng Tòa án cấp sơ thẩm tuyên bố hợp đồng cầm đồ vô hiệu yêu cầu các bên hoàn trả cho nhau những gì đã nhận, bà Thanh trả cho bà Tư 500.000.000 đồng, bà Tư phải trả lại cho bà Thanh số tiền lãi 225.000.000 đồng là không có căn cứ chấp nhận vì bà Thanh vay tiền của bà Tư, có thỏa thuận trả lãi thì bà Thanh phải có trách nhiệm trả tiền vay và tiền lãi cho bà Tư. Bà Thanh đồng ý trả tiền nợ vay cho bà Tư khi bà Tư cung cấp bản chính giấy vay tiền và

khởi kiện tranh chấp hợp đồng cầm đồ là không phù hợp, đối với giấy mượn tiền ngày 03/7/2020 đã được Tòa án nhân dân huyện Cần Đức đối chiếu bản chính ngày 30/8/2022 và bà Thanh thừa nhận có vay của bà Tư số tiền 500.000.000 đồng nên yêu cầu này của bà Thanh là không có căn cứ Hội đồng xét xử không chấp nhận.

Theo quy định tại Điều 466 Bộ luật Dân sự 2015 quy định nghĩa vụ trả nợ của bên vay:

“1. Bên vay tài sản là tiền thì phải trả đủ tiền khi đến hạn; nếu tài sản là vật thì phải trả vật cùng loại đúng số lượng, chất lượng, trừ trường hợp có thỏa thuận khác.

5. Trường hợp vay có lãi mà khi đến hạn bên vay không trả hoặc trả không đầy đủ thì bên vay phải trả lãi như sau:

a) Lãi trên nợ gốc theo lãi suất thỏa thuận trong hợp đồng tương ứng với thời hạn vay mà đến hạn chưa trả; trường hợp chậm trả thì còn phải trả lãi theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật này”.

[3.3] Đối với tiền lãi: Nguyên đơn yêu cầu bị đơn trả tiền lãi với lãi suất 1,66%/tháng đối với số tiền vay là 500.000.000 đồng từ ngày vay 03/7/2020 đến ngày 30/9/2022 là 26 tháng 27 ngày.

Tiền lãi được tính như sau: 500.000.000đồng x 1,66%/tháng x 26 tháng 27 ngày = 223.270.000 đồng.

Số tiền lãi bà Thanh đã trả cho bà Tư là 225.000.000 đồng - 223.270.000 đồng = 1.730.000 đồng. Như vậy, số tiền lãi bà Thanh trả dư sẽ được trừ vào tiền gốc: 500.000.000đồng - 1.730.000đồng = 498.270.000 đồng.

Việc nguyên đơn yêu cầu bị đơn trả tiền lãi là phù hợp với quy định tại Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015 nên được chấp nhận.

[4] Về trách nhiệm liên đới: Số tiền 500.000.000 đồng bà Thanh vay của bà Tư có trong thời kỳ hôn nhân với ông Nguyễn Văn Hoai nhưng ông Hoai hoàn toàn không biết, không sử dụng chung do bà Thanh vay tiền của bà Tư để cho bà Chính vay mượn lại và bà Thanh đã kiện bà Chính bằng một vụ án khác nên ông Hoai không đồng ý cùng bà Thanh liên đới trách nhiệm trả nợ tiền vay cho bà Tư nên yêu cầu của nguyên đơn không có căn cứ chấp nhận, Tòa án cấp sơ thẩm không buộc ông Hoai phải có nghĩa vụ liên đới trả nợ.

[5] Đối với yêu cầu độc lập của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Văn Hoai: Xét thấy hợp đồng cầm đồ số 40 ngày 03/7/2020 do bà Tư tự viết tự ký tên và có nội dung giống với nội dung giấy mượn tiền và thế chấp Giấy CNQSDĐ ngày 03/7/2020 về số tiền vay và thế chấp Giấy CNQSDĐ, xét thấy bà Tư không phải là người đứng tên hộ kinh doanh cầm đồ mà do chồng của bà Tư là ông Nguyễn Thành Sương đứng tên, ngoài ra các đương sự xác định bà Tư chỉ giữ giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, không đăng ký giao dịch bảo đảm nên việc vô hiệu hợp đồng này là có căn cứ. Tuy nhiên, việc ông Hoai có yêu cầu các bên hoàn trả cho nhau những gì đã nhận, bà Thanh trả cho bà Tư

500.000.000 đồng, bà Tư phải trả lại cho bà Thanh số tiền lãi 225.000.000 đồng là không có căn cứ chấp nhận. Đối với việc ông Hoai yêu cầu bà Tư trả lại cho ông Hoai Giấy CNQSDĐ số Y 584859 do UBND huyện Cần Đức cấp cho ông Hoai đứng tên ngày 15/10/1996, phía đại diện nguyên đơn cũng đồng ý nên yêu cầu của ông Hoai là có căn cứ được Tòa án cấp sơ thẩm chấp nhận.

[6] Từ những phân tích trên, xét thấy yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ.

Do đó Tòa án cấp sơ thẩm giải quyết chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bị đơn phải trả cho nguyên đơn số tiền vay vốn còn nợ là 498.270.000 đồng là phù hợp với quy định của pháp luật.

[7] Xét thấy yêu cầu kháng cáo của bà Lê Thị Thanh không có căn cứ nên Hội đồng xét xử không chấp nhận.

[8] Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của Lê Thị Thanh là có căn cứ, phù hợp với quy định của pháp luật nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[9] Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà Tư phải nộp án phí dân sự sơ thẩm không có giá ngạch đối với yêu cầu của ông Nguyễn Văn Hoai được Tòa án chấp nhận. Bà Thanh phải nộp án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch đối với số tiền phải trả cho bà Tư nhưng bà Thanh thuộc trường hợp người cao tuổi và có đơn xin miễn án phí nên bà Thanh được miễn toàn bộ án phí.

[10] Về án phí dân sự phúc thẩm: Miễn cho bà Lê Thị Thanh án phí dân sự phúc thẩm do bà Thanh là người cao tuổi thuộc trường hợp được miễn án phí.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự;

Không chấp nhận kháng cáo của bà Lê Thị Thanh.

Giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số: 50/2022/DS-ST ngày 12 tháng 10 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện Cần Đức, tỉnh Long An.

Căn cứ các Điều 26, 35, 39, 147, 271, 272 và 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Áp dụng điểm c khoản 1 Điều 117, Điều 122, Điều 463, Điều 466 và Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Kim Tư về việc “tranh chấp hợp đồng vay tài sản” với bà Lê Thị Thanh.

Buộc bà Lê Thị Thanh có nghĩa vụ phải trả cho bà Nguyễn Thị Kim Tư số tiền vốn vay còn nợ là 498.270.000 đồng (Bốn trăm chín mươi tám triệu, hai trăm bảy mươi ngàn đồng).

2. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện độc lập của ông Nguyễn Văn Hoai với bà Nguyễn Thị Kim Tư.

Vô hiệu hợp đồng cầm đồ số 40 ngày 03/7/2020 giữa bà Nguyễn Thị Kim Tư với bà Lê Thị Thanh.

Buộc bà Nguyễn Thị Kim Tư có nghĩa vụ trả cho ông Nguyễn Văn Hoai Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số Y 584859 do UBND huyện Cần Đức cấp cho ông Nguyễn Văn Hoai đứng tên ngày 15/10/1996.

3. Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án phải chịu thêm khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành theo quy định tại khoản 2 Điều 357 Bộ luật dân sự.

4. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Bà Nguyễn Thị Kim Tư phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 300.000 đồng được khấu trừ số tiền tạm ứng án phí đã nộp 15.320.000 đồng theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0006318 ngày 14/6/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự CDLA. Bà Tư được hoàn lại số tiền 15.020.000 đồng.

Miễn cho bà Lê Thị Thanh án phí dân sự sơ thẩm.

5. Về án phí dân sự phúc thẩm: Miễn cho bà Lê Thị Thanh án phí dân sự phúc thẩm.

6. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

7. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TANDCC HCM
- VKSND LA;
- TAND CD;
- Chi cục THADS CD ;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

NTMH